

Số: 1043/2026/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào Điều 212 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 0642/2026/TLST-HNGĐ ngày 03/3/2026 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Người yêu cầu: Ông **Nguyễn Ngọc Đ.** Số CCCD: 079080016698 cấp ngày 29/4/2021

Địa chỉ: **2 B, Phường G, Thành phố Hồ Chí Minh;**

- Người yêu cầu: Bà **Trịnh Nguyễn Phương H.** Số CCCD: 079188010338 cấp ngày 29/7/2022

Địa chỉ: **8 L, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08/4/2026, người yêu cầu là ông **Nguyễn Ngọc Đ** và bà **Trịnh Nguyễn Phương H** đã thỏa thuận được các nội dung như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông **Nguyễn Ngọc Đ** và bà **Trịnh Nguyễn Phương H** đã thỏa thuận **T** ly hôn.

[2] Về việc nuôi con chung: Ông **Nguyễn Ngọc Đ** và bà **Trịnh Nguyễn Phương H** thống nhất Ông, Bà Chúng tôi có 01 con chung tên **Nguyễn Ngọc Huy H1**, sinh ngày 16/7/2010, các bên thống nhất giao con chung cho ông **Đ** trực tiếp nuôi dưỡng, bà **H** cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng, bắt đầu thi hành từ ngày 08/5/2026 đến khi con thành niên, thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Ngọc Đ và bà Trịnh Nguyễn Phương H thống xác định Ông, Bà không có tài sản chung.

[4] Lệ phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Ngọc Đ và bà Trịnh Nguyễn Phương H chịu toàn bộ lệ phí dân sự sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Ngọc Đ và bà Trịnh Nguyễn Phương Hiếu thuận T ly hôn.

- Về việc nuôi con chung: ông Nguyễn Ngọc Đ và bà Trịnh Nguyễn Phương H thống xác định Ông, Bà Chúng tôi có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Huy H1, sinh ngày 16/7/2010, các bên thống nhất giao con chung cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, bà H cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng, bắt đầu thi hành từ ngày 08/5/2026 đến khi con thành niên, thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày ông Nguyễn Ngọc Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trịnh Nguyễn Phương H chưa thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng bà H còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành. Mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Ngọc Đ và bà Trịnh Nguyễn Phương H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con chưa thành niên. Vì quyền lợi của con khi cần thiết ông Nguyễn Ngọc Đ hoặc bà Trịnh Nguyễn Phương H được yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung: ông Nguyễn Ngọc Đ và bà Trịnh Nguyễn Phương H cùng thống nhất xác định ông, bà không có tài sản chung.

2. Lệ phí dân sự sơ thẩm: Là 300.000 đồng; ông Nguyễn Ngọc Đ và bà Trịnh Nguyễn Phương H phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí ông Nguyễn Ngọc Đ và bà Trịnh Nguyễn Phương H đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0007824 ngày 26/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. ông Nguyễn Ngọc Đ và bà Trịnh Nguyễn Phương H đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. HCM;
- VKSND KV5-TP. HCM;
- THADS TP. HCM;
- UBND phường nơi cấp GCNKH;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Linh Dũng